

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG TIÊU DÙNG MASAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 136.../2020/CV-MSC

Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2020

V/v điều chỉnh lỗi nhập liệu tại Phụ lục
danh mục chỉ tiêu và mức công bố

Kính gửi: **Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Sở Y Tế Bình Dương**

Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm Sở Y Tế Bình Dương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm THỰC PHẨM BỔ SUNG - NƯỚC TĂNG LỰC HỒ VĂN theo Bản tự công bố sản phẩm số 023/MSC/2019 đã được Công ty tự công bố theo trình tự tại Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm.

Bằng Công văn này theo Khoản 4, Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Công ty chúng tôi thông báo điều chỉnh nội dung lỗi nhập liệu ở tại Phụ lục danh mục chỉ tiêu và mức công bố - mục 2 - Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu - cột “Tên chỉ tiêu”, thứ tự dòng số 5, cụ thể:

- Nội dung cũ: *Hàm lượng choline*
- Nội dung điều chỉnh: **Hàm lượng choline (bitartrate)**

Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi với thông tin đã công bố. Đính kèm là bản Phụ lục danh mục chỉ tiêu và mức công bố đã cập nhật.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.



NGUYỄN HOÀNG YẾN
Phó Tổng Giám Đốc



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 023/MSC/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	NHÓM SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG KHÔNG CÒN	SỐ TCCS 03:2019/MS103
	THỰC PHẨM BỔ SUNG – NƯỚC TĂNG LỰC HỒ VẤN	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng, trong, không lắng cặn
- Màu sắc: Màu vàng đặc trưng
- Mùi, vị: Mùi thơm đặc trưng, vị hài hòa, không có vị lạ

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ acid (tính theo acid citric)	g/l	≤ 8,0
2	Hàm lượng carbohydrate	g/100 ml	≥ 12,6
3	Giá trị năng lượng	kcal/100 ml	≥ 50,4
4	Hàm lượng taurine	g/l	2,8 – 5,2
5	Hàm lượng choline (bitartrate)	mg/l	140 – 260
6	Hàm lượng inositol	mg/l	158 - 294
7	Hàm lượng lysine	mg/l	158 - 294
8	Hàm lượng caffeine	mg/l	224 – 416
9	Hàm lượng vitamin B3 (*)	mg/l	76 – 141
10	Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxine) (*)	mg/l	12,3 – 22,9
11	Hàm lượng vitamin B12 (*)	µg/l	≥ 17,3

(*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 6.

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty



- 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10 ²
2	Coliforms	CFU/ml	10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

- 4. Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/l	0,05

- 5. Danh mục phụ gia thực phẩm:** tra cứu theo Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm cho nhóm 14.1.4 Đồ uống hương liệu, bao gồm đồ uống “thể thao”, “năng lượng” hoặc “điện giải” và các đồ uống đặc biệt khác

TT	Phụ gia (tên khoa học)	Chú thích
1	Citric acid (330)	
2	Sodium hydrogen carbonate (500ii)	
3	Sodium benzoate (211)	Tính theo acid benzoic
4	Tartrazine (102)	
5	Ponceau 4R (Cochineal red A) (124)	
6	Hương liệu tổng hợp, hương dứa tươi chín tổng hợp	

- 6. Mức đáp ứng RNI của các vitamin:** Tính toán cho người trưởng thành theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014

TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố trong 1 lít sản phẩm	Lượng tiêu thụ khi dùng 245 ml sản phẩm (**)	Mức đáp ứng RNI, %			
				Nam trưởng thành 19 - 50 tuổi	Nam trưởng thành > 51 tuổi	Nữ trưởng thành 19 - 50 tuổi	Nữ trưởng thành > 51 tuổi
1	Hàm lượng vitamin B3	(76 – 141) mg	(18,6 – 34,5) mg	116,3 – 215,6	116,3 – 215,6	132,9 – 246,4	132,9 – 246,4
2	Hàm lượng vitamin B6	(12,3 – 22,9) mg	(3,0 – 5,6) mg	230,8 – 430,8	176,5 – 329,4	230,8 – 430,8	200,0 – 373,3
3	Hàm lượng vitamin B12	≥ 17,3 µg	≥ 4,2 µg	≥ 175,0	≥ 175,0	≥ 175,0	≥ 175,0

(**) Lượng tiêu thụ khi dùng 245 ml sản phẩm = $\frac{\text{Mức công bố x 245}}{1000}$

Mức đáp ứng RNI = $\frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 245 ml sản phẩm x 100}}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam cho người trưởng thành}}$

Lượng dùng khuyến nghị: 1 lon 245 ml/ngày

12